

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 6 - 2023

V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Lắm

Ông Huỳnh Việt Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn – là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã K, Huyện U, tỉnh C (có mặt).

Bị đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã K, Huyện U, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/3/2023 và tại phiên tòa bà Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2005 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, Huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống do ông H không quan tâm đến cuộc sống gia đình, luôn bất đồng quan điểm, không có sự thống nhất nhau, dẫn đến cự cãi, xô xát nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn được nên đã ly thân, bà Tyêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Võ Thành N, sinh ngày 18/4/2006 và Võ Thành Ng, sinh ngày 18/3/2010, sau khi ly hôn các con có

nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng. Trường hợp ở với bà thì bà nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản ghi ý kiến cháu N và cháu Ng ngày 05/6/2023, cháu N và cháu Ng trình bày:* Nguyên vọng của cháu N được do mẹ là bà T nuôi dưỡng; nguyên vọng của cháu Ng là được cha là ông H nuôi dưỡng.

- Ông Võ Văn H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Tvà được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Lê Thị T với ông Võ Văn H là tranh chấp ly hôn, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Võ Văn H được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị T với ông Võ Văn H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà Tvới ông H là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà Tvới ông H đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên không còn chung sống với nhau, bà Tyêu cầu được ly hôn với ông H. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập nhiều lần nhưng ông H vắng mặt không lý do, ông H cũng không có ý kiến về việc bà T yêu cầu ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Tvới ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà Tvới ông H ly hôn.

[3] Về con chung: Cháu Võ Thành N, nguyện vọng được bà Tnuôi dưỡng; cháu Võ Thành Ng nguyện vọng được do ông H nuôi dưỡng; bà T cũng thống nhất với nguyện vọng của các cháu. Mặt khác ông H cũng không có ý kiến gì nên ghi nhận nguyện vọng của các cháu. Giao cháu Nhân cho bà Tnuôi dưỡng, giao cháu Nghĩa cho ông H nuôi dưỡng là đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm. Bà Tvà ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nhân và cháu Nghĩa không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T và ông H không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị T xác định không có, ông Võ Văn H không có ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí:

Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011045 ngày 21/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện U Minh được đối trừ cHển thu. Ông Võ Văn H không phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị T với ông Võ Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Võ Thành N, sinh ngày 18/4/2006 cho bà Lê Thị T nuôi dưỡng. Giao cháu Võ Thành Ng, sinh ngày 18/3/2010 cho ông Võ Văn H nuôi dưỡng. Bà T và ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nhân và cháu Nghĩa không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011045 ngày 21/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện U Minh được đối trừ cHển thu.

Bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Võ Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND Hện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự Hện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- UBND xã Khánh Hòa, U Minh, Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn